| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Thanh Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đoàn Thị Huệ

Ông Nguyễn Tấn Để

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh*:** .

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc "*Tranh chấp vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T**, sinh năm 1964 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện U, Kiên Giang

**- Bị đơn: Anh Phạm Vũ L**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A Chợ A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ông Phạm Văn T và anh Phạm Vũ L biết nhau trên cơ sở ông T có một người em vợ thời điểm sống gần nhà của anh L nên ông T biết anh L từ thời điểm đó. Do cần tiền nên ngày 09/5/2017 anh L có đặt vấn đề về việc hỏi vay mượn của ông T với số vàng là 04 chỉ vàng 24k, do quen biết nhau đồng thời do anh L hứa khi xong việc trong thời gian ngắn sẽ hoàn trả đủ số vàng trên cho ông T, vì tin tưởng nên giữa ông T và ông L không lập văn bản ghi nhận nợ.

Đến khoảng 02 năm sau, anh L đã trả cho ông T được 02 chỉ vàng 24k, còn lại 02 chỉ vàng 24 đến nay ông L không trả, ông T đã nhiều lần liên lạc ông L yêu cầu hoàn trả cho ông T 02 chỉ vàng còn lại nhưng ông L cố tình tránh mặt.

Ngày 20/12/2024, tại trụ sở Ban N, Ban lãnh đạo ấp tiến hành hòa giải việc ông T yêu cầu ông L trả cho ông T 02 chì vàng còn lại, tuy nhiên ông L vẫn cố tình tránh mặt, không tham gia hòa giải.

Nay ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Vũ L phải trả cho ông T số vàng còn nợ là 02 (hai) chỉ vàng 24k.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phạm Vũ L nhưng anh L đều vắng mặt.

Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Vũ L có hộ khẩu thường trú tại ấp A Chợ A, xã Đ, huyện A, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, ông Phạm Văn T yêu cầu anh Phạm Vũ L trả cho ông T số vàng còn nợ là 02 (hai) chỉ vàng 24k. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2024, ông Phạm Văn T và anh Phạm Vũ L quen biết nhau thông qua một người em vợ của ông T. Ngày 09/5/2017, anh L có hỏi vay mượn của ông T với số vàng là 04 chỉ vàng 24k, thỏa thuận trong một thời gian ngắn ông L sẽ hoàn trả số vàng này cho ông T, do tin tưởng nên ông T không lập văn bản ghi nhận việc đã giao cho anh L số vàng nói trên.

Sau 02 năm kể từ ngày vay mượn vàng, anh L đã trả cho ông T được 02 chỉ vàng 24k, còn lại 02 chỉ vàng 24 đến nay ông L không trả, ông T nhiều lần liên lạc ông L yêu cầu trả cho ông T số vàng còn nợ tuy nhiên ông L cố tình tránh mặt, đến nay ông L vẫn không trả cho ông T bất kỳ số vàng nào.

Ngày 04/6/2024, ông T gửi đơn đến Ban lãnh đạo Ấp 10 Chợ A yêu cầu giải quyết buộc anh L hoàn trả số vàng nói trên cho ông T. Ngày 20/12/2024, tại trụ sở Ban N, Ban lãnh đạo ấp tiến hành hòa giải vụ việc giữa ông T và ông L, tuy nhiên ông L không tham gia hòa giải, cố tình tránh mặt, trốn tránh nghĩa vụ trở nợ cho ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiền lần cho anh L để ghi nhận ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Đồng thời ngày 09/4/2025, Tòa án ban hành Thông báo số 20/2025/TB-TA về việc trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ, yêu cầu anh L trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu anh L trả 02 (hai) chỉ vàng 24k cho ông T và đã tống đạt hợp lệ Thông báo này cho anh L, tuy nhiên tại thời điểm mở phiên tòa, Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản trình bày nào cũng như tài liệu chứng cứ nào của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Việc anh Phạm Vũ L cố trình tránh mặt, không chấp hành theo văn bản triệu tập của Tòa án, qua đó thể hiện việc anh L đã từ chối phần trình bày của anh đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng và đương sự khác trong vụ án.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, việc ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu anh Phạm Vũ L trả số vàng còn nợ là 02 (hai) chỉ vàng 24k là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Số vàng sau khi quy đổi tại thời điểm xét xử là 23.000.000đ x 5% = 1.150.000đ; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Phạm Văn T.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu anh Phạm Vũ L trả số vàng vay.

1. Buộc anh Phạm Vũ L trả cho ông Phạm Văn T số vàng còn nợ là 02 (hai) chỉ vàng 24k.

2. Về án phí: Buộc anh Phạm Vũ L phải nộp 1.150.000đ (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn T được miễn nộp tạm ứng án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

***Nơi nhận:***
- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát An Minh;
- Chi cục Thi hành án An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Toàn**